

NGHỊ QUYẾT

**Về việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023
nguồn vốn ngân sách địa phương**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI
KHÓA XIII KỲ HỌP THỨ 19**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của
Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Thực hiện Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 22 tháng 9 năm 2023 của
Hội đồng nhân dân tỉnh về điều chỉnh, phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn
giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách địa phương;*

*Xét Tờ trình số 164/TTr-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 nguồn vốn
ngân sách địa phương; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng
nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất điều chỉnh, phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2023
nguồn vốn ngân sách địa phương như sau:

1. Điều chỉnh giảm 30.000 triệu đồng kế hoạch đầu tư công nguồn vốn
ngân sách địa phương do giảm nguồn thu từ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở
hữu nhà nước. Kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn vốn ngân sách địa phương
của tỉnh sau điều chỉnh là 4.156.762 triệu đồng, trong đó nguồn thu từ sắp xếp
lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước sau điều chỉnh là 100.000 triệu đồng.

2. Điều chỉnh giảm 30.000 triệu đồng kế hoạch vốn đã giao cho 03 dự án từ
nguồn thu từ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước.

3. Điều chỉnh 30.521,2 triệu đồng kế hoạch vốn của các dự án sử dụng
nguồn vốn xây dựng cơ bản tập trung của tỉnh, trong đó:

a) Giảm 27.950 triệu đồng kế hoạch vốn của 07 dự án;

b) Giảm 2.571,2 triệu đồng vốn xây dựng cơ bản tập trung để thực hiện
hoán đổi với nguồn thu tiền sử dụng đất cho 01 dự án;

c) Cho phép kéo dài thời gian bố trí vốn sang năm 2023 và bổ sung kế
hoạch vốn năm 2023 cho dự án Khu Chính trị - Hành chính huyện Lý Sơn là
5.000 triệu đồng;

d) Bổ sung 22.700 triệu đồng vốn xây dựng cơ bản tập trung để thực hiện hoán đổi với nguồn thu từ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước;

e) Bố trí vốn quyết toán cho 05 dự án là 2.821,2 triệu đồng.

4. Điều chỉnh 89.789 triệu đồng kế hoạch vốn của các dự án từ nguồn thu tiền sử dụng đất, trong đó:

a) Giảm 89.789 triệu đồng kế hoạch vốn của 09 dự án;

b) Phân bổ 28.500 triệu đồng để thực hiện khởi công mới năm 2023 đối với 04 dự án (hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện thực hiện);

c) Bổ sung 58.717,8 triệu đồng cho dự án Đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi;

d) Bổ sung 2.571,2 triệu đồng vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất để thực hiện hoán đổi với nguồn xây dựng cơ bản tập trung cho 01 dự án.

(Chi tiết tại Phụ lục tổng hợp, Phụ lục 1, Phụ lục 2 kèm theo Nghị quyết)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Các Nghị quyết: số 69/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2022, số 10/NQ-HĐND ngày 15 tháng 3 năm 2023, số 26/NQ-HĐND ngày 22 tháng 5 năm 2023, số 28/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2023 và số 46/NQ-HĐND ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phân bổ, điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 nguồn vốn ngân sách địa phương không điều chỉnh tại Nghị quyết này vẫn giữ nguyên hiệu lực thi hành.

2. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Khóa XIII Kỳ họp thứ 19 thông qua ngày 13 tháng 11 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: KH-ĐT, Tài chính;
- TTTU, TTHĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban ngành, hội đoàn thể tỉnh;
- Cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Quảng Ngãi, Đài PTTH tỉnh;
- Trung tâm Công báo và Tin học tỉnh;
- VP ĐBĐQH và HĐND tỉnh: C-PCVP, các Phòng, CV;
- Lưu: VT, KTNS (02).đta.

CHỦ TỊCH



Bùi Thị Quỳnh Vân

Phụ lục tổng hợp
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023
Nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương
(Kèm theo Nghị quyết số 67/NQ-HĐND ngày 13/11/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2023 đã giao	Điều chỉnh		Kế hoạch vốn năm 2023 sau điều chỉnh ^(*)	Ghi chú
			Trong đó:			
			Giảm	Tăng		
1	2	3	5	6	7	8
	TỔNG SỐ	4.186.762	-127.505	97.505	4.156.762	
I	Nguồn XDCB tập trung của tỉnh	1.553.762	-53.261	53.261	1.553.762	
1	Phân cấp các địa phương	310.752			310.752	
2	Đối ứng ODA (bao gồm các dự án mới phát sinh)	22.067	-10.775		11.292	
3	Bố trí quyết toán dự án hoàn thành	55.961		2.812	58.772	
4	Vốn đối ứng của tỉnh thực hiện các CTMTQG và một số chương trình khác	111.059			111.059	
5	Chuẩn bị đầu tư	4.300	-100		4.200	
6	Vốn thực hiện chính sách thu hút đầu tư hoặc tham gia dự án theo phương thức đối tác công tư (nếu có)	-		-	-	
7	Thực hiện nhiệm vụ quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi	4.000			4.000	
8	Đối ứng các dự án sử dụng vốn NSTW	149.160		50.450	199.610	
9	Bố trí chuyển tiếp các dự án đang đầu tư	660.653	-40.886	-	619.767	
a	Bố trí chuyển tiếp các dự án từ giai đoạn 2016 - 2020 chuyển sang	164.941	-5.471		159.470	
b	Bố trí chuyển tiếp các dự án khởi công năm 2021, 2022	495.712	-35.415		460.297	
10	Các dự án khởi công mới năm 2023	235.810	-1.500		234.310	
II	Xổ số kiến thiết	100.000	-	-	100.000	
1	Bố trí CTMTQG XD NTM (bao gồm bố trí thực hiện Chương trình hỗ trợ phát triển KTTT, HTX; Cấp nước sạch nông thôn; Giao thông nông thôn)	40.000			40.000	
2	Bố trí các dự án khởi công năm 2021, 2022 chuyển tiếp sang năm 2023	42.000			42.000	
3	Bố trí khởi công mới năm 2023	18.000			18.000	
III	Nguồn thu từ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước	130.000	-30.000	-	100.000	
1	Bố trí cho dự án đối ứng vốn NSTW	12.100	-12.100		-	
2	Bố trí dự án chuyển tiếp	57.500	-17.900		39.600	
3	Bố trí khởi công mới năm 2023	60.400			60.400	
IV	Nguồn thu tiền sử dụng đất	2.403.000	-44.244	44.244	2.403.000	
1	Giao các địa phương thu chi	855.000			855.000	
2	Các dự án tỉnh quản lý	1.548.000	-44.244	44.244	1.548.000	
2.1	Bố trí cho các dự án từ nguồn thu SĐĐ	742.890		13.218	756.108	
2.2	Lồng ghép với dự án sử dụng vốn XDCB tập trung	798.067	-43.744	31.026	785.349	
+	Bố trí chuyển tiếp các dự án từ giai đoạn 2016 - 2020 chuyển sang	217.517		2.526	220.043	
+	Bố trí chuyển tiếp các dự án khởi công năm 2021-2022	550.550	-43.744		506.806	
+	Bố trí khởi công mới năm 2023	30.000		28.500	58.500	
2.3	Thực hiện nhiệm vụ CBĐT đối với các dự án KCM 2021-2025	7.043	-500		6.543	

*** Ghi chú:**

(1) Kế hoạch đầu tư công năm 2023 của tỉnh sau điều chỉnh đợt này là **4.156,762 tỷ đồng**. Nếu bao gồm các nguồn chi đầu tư được HĐND tỉnh giao tại Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 06/12/2022 về dự toán và phân bổ ngân sách địa phương năm 2023, gồm: (1) Nguồn vốn bội chi NSĐP là 236,7 tỷ đồng; (2) Chi trả nợ gốc từ nguồn XDCB tập trung là 7,320 tỷ đồng; (3) Chi đầu tư phát triển khác từ nguồn thu sử dụng đất là 97 tỷ đồng, thì tổng kế hoạch đầu tư vốn ngân sách địa phương năm 2023 của tỉnh là **4.497,782 tỷ đồng** (trong đó: nguồn XDCB tập trung năm 2023 là **1.561,082 tỷ đồng**, nguồn thu tiền sử dụng đất năm 2023 là **2.500 tỷ đồng**).

(2) Mức điều chỉnh tăng, giảm kế hoạch vốn giữa các nhiệm vụ bao gồm phần đã thực hiện điều chỉnh nội bộ kế hoạch vốn năm 2023 của các đơn vị tại Quyết định số 1193/QĐ-UBND ngày 31/10/2023 của UBND tỉnh.

Phụ lục 1
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023
Nguồn vốn ngân sách địa phương

(Kèm theo Nghị quyết số 67/NQ-HĐND ngày 23/11/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

ĐVT: Triệu đồng

TT	TÊN DỰ ÁN	Đầu mối giao kế hoạch	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			Lấy kế vốn NSDP đã giao đến KH 2020	Kế hoạch trung hạn NSDP 2021 - 2025				Đã giao vốn NSDP trong 02 năm 2021- 2022	Kế hoạch năm 2023				Điều chỉnh kế hoạch vốn						Kế hoạch năm 2023 sau điều chỉnh				Ghi chú
				Số ngày quyết định	Trong đó			Tổng số	Trong đó:				Tổng số	Trong đó:			Vốn XDCB tập trung		Thu từ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu NN		Thu SDD		Tổng số	Trong đó:			
					Tổng cộng	NSDP (ngân sách tỉnh)			XDCB tập trung	Thu từ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu NN	Thu SDD			XDCB tập trung	Thu từ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu NN	Thu SDD	Giảm	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	Tăng		XDCB tập trung	Thu từ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu NN	Thu SDD	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
	Tổng cộng (A+B)				7.171.203	5.780.764	1.000.653	3.695.297	895.447	90.100	2.709.750	499.729	1.009.798	239.458	57.600	712.740	-30.521,2	30.521,2	- 30.000	-	- 89.789	89.789	954.542	239.458	27.600	712.740	
A	ĐIỀU CHỈNH GIẢM				2.483.344	1.656.895	357.076	1.030.797	449.047	21.000	560.750	403.061	245.017	80.167	21.000	143.850	-27.950	-	-7.300	-	-89.789	-	94.722	52.217	13.700	54.061	
1	Dự án chuyển tiếp				1.828.767	1.541.960	357.076	929.126	347.376	21.000	560.750	390.080	236.446	72.096	21.000	143.350	-22.220	-	-7.300	-	- 89.289	-	92.381	49.876	13.700	54.061	
1	Nhà A3 tỉnh ủy	BQLDA ĐTXD các CT Dân dụng và Công nghiệp tỉnh	2021- 2023	2096/QĐ-UBND ngày 30/12/2020	65.400	65.400		64.000	43.000	21.000		40.000	24.000	3.000	21.000				-7.300				16.700	3.000	13.700	-	
2	Khu dân cư Tỉnh Kỳ giai đoạn 2	Sở Tài nguyên - Môi trường	2017- 2023	1416/QĐ-UBND 01/8/2017	40.000	40.000	21.000	19.000			19.000	1.500	14.500			14.500					-4.500		10.000	-	-	10.000	
3	Khu dân cư phía Bắc Đường Huỳnh Thúc Kháng	Sở Tài nguyên - Môi trường	2017- 2023	1652/QĐ-UBND 01/9/2017	230.000	230.000	32.000	195.000			195.000	121.000	14.000			14.000					-3.000		11.000	-	-	11.000	
4	Dự án: Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai thực hiện tại tỉnh Quảng Ngãi	Sở Tài nguyên và Môi trường	2017- 2023	2198/QĐ-UBND ngày 08/11/2016	112.918	19.268		11.426	11.426			6.500	4.926	4.926			-2.050						2.876	2.876	-	-	Vốn đối ứng ODA
5	Đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ y tế tuyến cơ sở - Dự án thành phần tỉnh Quảng Ngãi	Sở Y tế	2020- 2024	439/QĐ-UBND ngày 29/3/2019	220.708	44.551		42.950	42.950			12.100	8.170	8.170			-2.095						6.075	6.075	-	-	Vốn đối ứng ODA
6	Trường bắn, thao trường huấn luyện Bộ CHQS tỉnh Quảng Ngãi/Quân khu 5 bằng nguồn NSDP năm 2021-2023	BCH Quân sự tỉnh	2021- 2023	2113/QĐ-TM ngày 04/9/2021	68.000	68.000		60.000	60.000			35.000	25.000	25.000			-18.075						6.925	6.925	-	-	Vướng BT, GPMB
7	Di dân, tạo quỹ đất sạch để thu hút đầu tư và tạo hành lang an toàn môi trường khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Tư Nghĩa	UBND huyện Tư Nghĩa	2021- 2023	2516/QĐ-UBND ngày 26/4/2021	292.000	292.000		190.000	180.000		10.000	148.480	41.000	31.000		10.000					-10.000		31.000	31.000	-	-	Dự án dự kiến nghiệm thu tháng 10/2023, hết nhu cầu vốn
8	Đường Chu Văn An và khu dân cư (đoạn từ Ngõ Sỹ Liên đến đường Hai Bà Trưng)	UBND thành phố Quảng Ngãi	2016- 2024	505/QĐ-UBND 31/3/2016	220.204	220.204	42.503	92.400			92.400	-	30.000			30.000					-30.000						
9	KDC phía Nam đường Hai Bà Trưng, thành phố Quảng Ngãi (giai đoạn 1)	UBND thành phố Quảng Ngãi	2016- 2023	446/QĐ-UBND 24/3/2016	246.537	246.537	92.500	154.000			154.000	-	20.000			20.000					-20.000						
10	Khu dân cư phục vụ tái định cư Khu II Đê bao, thành phố Quảng Ngãi	UBND thành phố Quảng Ngãi	2016- 2023	1964a/QĐ-UBND, 30/10/2015	206.000	206.000	135.573	25.500			25.500	10.500	15.000			15.000					-12.000		3.000			3.000	
11	Đường tránh Tây thị trấn Di Lăng	UBND huyện Sơn Hà	2022- 2024	690/QĐ-UBND ngày 03/6/2021	70.000	60.000		60.000			60.000	5.000	35.000			35.000					-9.744				25.256		Vướng BT, GPMB (ITMT)
12	Đường đô thị 02 (Quảng trường - ĐĐT05)	UBND huyện Sơn Tây	2018- 2023	1957/QĐ-UBND ngày 24/10/2017	57.000	50.000	33.500	14.850	10.000		4.850	10.000	4.850			4.850					-45		4.805			4.805	Hết nhiệm vụ chi do đã quyết toán (ITMT)

TT	TÊN DỰ ÁN	Đầu mối giao kế hoạch	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn NSDP đã giao đến KH 2020	Kế hoạch trung hạn NSDP 2021 - 2025				Đã giao vốn NSDP trong 02 năm 2021-2022	Kế hoạch năm 2023				Điều chỉnh kế hoạch vốn						Kế hoạch năm 2023 sau điều chỉnh				Ghi chú	
				Số ngày quyết định	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:				Tổng số	Trong đó:			Vốn XDCB tập trung		Thu từ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu NN		Thu SDD		Tổng số	Trong đó:				
					Tổng cộng	NSDP (ngân sách tỉnh)			XDCB tập trung	Thu từ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu NN	Thu SDD			XDCB tập trung	Thu từ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu NN	Thu SDD								Giảm	Tăng	Giảm		Tăng
II	Khởi công mới 2023				654.577	114.935	-	101.671	101.671	-	-	12.971	6.971	6.971	-	-	-4.630	-	-	-	-	-	2.341	2.341	-	-	-	
13	Dự án Lăng Hòa bình Việt Nam – Hàn Quốc (KVPVP) tỉnh Quảng Ngãi	Sở Kế hoạch và Đầu tư	2022-2026	1794/QĐ-UBND ngày 23/12/2022	100.579,0	9.587	-	9.000	9.000	-	-	300	1.000	1.000	-	-	-800	-	-	-	-	-	200	200	-	-	-	Vốn đối ứng ODA
14	Dự án Hiện đại hóa thủy lợi thích ứng biến đổi khí hậu tỉnh Quảng Ngãi (ADB9)	Sở Nông nghiệp và PTNT	2022-2026	1919/QĐ-UBND ngày 31/12/2022	553.998,0	105.348	-	92.671	92.671	-	-	12.671	5.971	5.971	-	-	-3.830	-	-	-	-	-	2.141	2.141	-	-	-	Vốn đối ứng ODA
III	Vốn chuẩn bị đầu tư				-	-	-	-	-	-	-	10	1.600	1.100	-	500	-1.100	-	-	-	-500	-	-	-	-	-	-	
15	Dự án giải phóng mặt bằng, xây dựng tường rào (khu A-B) trường đại học Phạm Văn Đồng	BQLDA ĐTXD các CT Dân dụng và Công nghiệp tỉnh					-			-	-	-	100	100	-	-	-100	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
16	Hệ thống hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị Tân Mỹ 1, thành phố Quảng Ngãi	Sở Tài nguyên và Môi trường					-			-	-	10	500		500						-500	-	-	-	-	-	-	
17	Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số (CRIEM)	Sở Nông nghiệp và PTNT					-			-	-	-	1.000	1.000		-1.000						-	-	-	-	-	Vốn đối ứng ODA	
B	ĐIỀU CHỈNH TĂNG				3.692.981	3.178.991	60.500	2.316.000	227.000	-	2.089.000	54.168	594.841	55.951	-	538.890	-	7.821,2	-	-	-	87.217,8	689.880,1	63.772,3	-	626.107,8		
I	Dự án chuyển tiếp				79.991	79.991	60.500	17.000	17.000	-	-	8.400	-	-	-	-	-	5.000	-	-	-	-	5.000	5.000	-	-	-	
1	Khu Chính trị - Hành chính huyện Lý Sơn	UBND huyện Lý Sơn	2018-2023	2009/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	79.991	79.991	60.500	17.000	17.000	-	-	8.400	-	-	-	-	-	5.000	-	-	-	-	5.000	5.000	-	-	-	HĐND thống nhất kéo dài thời gian bố trí vốn đến năm 2023 (vốn HTMT)
II	Dự án khởi công mới năm				3.612.990	3.099.000	-	2.099.000	10.000	-	2.089.000	-	538.890	-	538.890	-	-	-	-	-	-	87.217,8	626.108	-	-	626.108		
II.1	Ban ngành của tỉnh				3.500.000	3.000.000	-	2.000.000	-	-	2.000.000	-	538.890	-	538.890	-	-	-	-	-	-	58.717,8	597.608	-	-	597.608		
2	Đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi	BQLDA ĐTXD các CT Giao thông tỉnh	2023-2027	387/QĐ-UBND ngày 24/3/2023	3.500.000	3.000.000	-	2.000.000	-	-	2.000.000	-	538.890	-	538.890	-	-	-	-	-	-	58.717,8	597.608	-	-	597.608		
II.2	UBND các huyện, thị xã, thành phố (hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách các địa phương thực hiện)				112.990	99.000	-	99.000	10.000	-	89.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	28.500	28.500	-	-	28.500		
3	Nghĩa Trang Phố Tinh, xã Bình Phước	UBND huyện Bình Sơn	2023-2025	1720/QĐ-UBND ngày 11/10/2023	35.000	30.000	-	30.000	-	-	30.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	6.500	6.500	-	-	6.500		
4	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Đường Đức Tân - Phố Phong (Giai đoạn I)	UBND huyện Mộ Đức	2023-2026	4503/QĐ-UBND ngày 02/11/2023	19.990	19.000	-	19.000	-	-	19.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	5.000	5.000	-	-	5.000		
5	Nâng cấp tuyến đường ĐH.51 (Cầu Dai – Hành Nhân – Long Sơn)	UBND huyện Nghĩa Hành	2023-2025	6464/QĐ-UBND ngày 30/10/2023	28.000	25.000	-	25.000	10.000	-	15.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10.000	10.000	-	-	10.000		
6	Chỉnh trang đô thị mới Ba Vì	UBND huyện Ba Vì	2023-2025	2035/QĐ-UBND ngày	30.000	25.000	-	25.000	-	-	25.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	7.000	7.000	-	-	7.000		
III	Bổ trí quyết toán dự án hoàn thành						-	200.000	200.000	-	-	45.768	55.951,1	55.951,1	-	-	-	2.821,2	-	-	-	-	58.772	58.772	-	-	-	Chi tiết tại Phụ lục 2
C	ĐIỀU CHỈNH NGUỒN VỐN				994.878	944.878	583.077	348.500	219.400	69.100	60.000	42.500	169.940	103.340	36.600	30.000	-2.571,2	22.700	-22.700	-	-	2.571,2	169.940	123.468,8	13.900	32.571,2		
1	Xây dựng Hội trường thuộc trụ sở UBND tỉnh	BQLDA ĐTXD các CT Dân dụng và Công nghiệp tỉnh	2022-2025	2000/QĐ-UBND ngày 22/02/2022	149.300	99.300	-	99.000	86.900	12.100	-	-	70.440	58.340	12.100	-	-	12.100	-12.100	-	-	-	70.440	70.440	-	-	-	Dự án đối ứng vốn NSTW

TT	TÊN DỰ ÁN	Đầu mối giao kế hoạch	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			Lấy kế vốn NSDP đã giao đến KH 2020	Kế hoạch trung hạn NSDP 2021 - 2025				Đã giao vốn NSDP trong 02 năm 2021- 2022	Kế hoạch năm 2023				Điều chỉnh kế hoạch vốn						Kế hoạch năm 2023 sau điều chỉnh				Ghi chú	
				Số ngày quyết định	Trong đó			Tổng số	Trong đó:				Tổng số	Trong đó:			Vốn XDCB tập trung		Thu từ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu NN		Thu SDB		Tổng số	Trong đó:				
					Tổng cộng	NSDP (ngân sách tỉnh)			XDCB tập trung	Thu từ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu NN	Thu SDB			XDCB tập trung	Thu từ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu NN	Thu SDB								Giảm	Tăng	Giảm		Tăng
2	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh	BQLĐA ĐTXD các CT Dân dụng và Công nghiệp tỉnh	2022-2025	801/QĐ-UBND ngày 22/6/2022	150.000	150.000		140.000	83.000	57.000		32.500	30.000	5.500	24.500			10.600	-10.600					30.000	16.100	13.900	-	
3	Kế chống sạt lở kết hợp đường cứu hộ, cứu nạn di dân tái định cư, neo đậu tàu thuyền - đập Cà Ninh hạ lưu sông Trà Bồng phục vụ KKT Dung Quất, huyện Bình Sơn (giai đoạn 1)	BQL KKT Dung Quất và các KCN tỉnh	2014-2023	1611/QĐ-UBND 30/10/2014	695.578	695.578	583.077	109.500	49.500		60.000	10.000	69.500	39.500		30.000	-2.571,2					2.571,2	69.500	36.928,8		-	32.571,2	

Phụ lục 2
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023
Danh mục dự án bổ trợ vốn quyết toán dự án hoàn thành
Nguồn vốn: Xây dựng cơ bản tập trung

(Kèm theo Nghị quyết số 67/NQ-HĐND ngày 13/11/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên công trình	Đầu mối giao kế hoạch	Thời gian thực hiện	Tổng mức đầu tư/Dự toán	Quyết toán				Lũy kế vốn đã giải ngân	Số phải thu hồi so với giá trị quyết toán được phê duyệt	Kế hoạch vốn năm 2023	Ghi chú
					Số Quyết định	Giá trị quyết toán	Trong đó:					
							Vốn Trung ương	Ngân sách tỉnh				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	11	12	13	14
	TỔNG CỘNG			179.383,000		168.071,673	76.643,665	91.428,007	164.805,124	54,646	2.821,195	
1	Trường THPT Số 1 Đức Phổ - xây dựng khu thể chất và các hạng mục phụ trợ	BQL Dự án ĐTXD các công trình dân dụng và nông nghiệp tỉnh	2022-2023	10.000	187/QĐ-STC ngày 26/9/2023 của Sở Tài chính	9.866,654		9.866,654	9.050,000		816,654	
2	Trường THPT Trần Quốc Tuấn - Khỏi phục vụ hoạt động chung, các hạng mục phụ trợ (bao gồm thiết bị)	BQL Dự án ĐTXD các công trình dân dụng và nông nghiệp tỉnh	2022-2023	18.397	1658/QĐ-UBND ngày 16/11/2023 của UBND tỉnh	17.085,612		17.085,612	17.026,824	54,646	113,434	
3	Đê kè Hòa Hà, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	BQL dự án ĐTXD các công trình Giao thông tỉnh	2011-2023	125.991	1608/QĐ-UBND ngày 30/10/2023 của UBND tỉnh	116.214,284	76.643,665	39.570,618	116.131,024		83,260	
4	Cải tạo, nâng tầng nhà làm việc Sở Xây dựng	Sở Xây dựng	2022-2023	10.000	160/QĐ-STC ngày 29/8/2023 của Sở Tài chính	9.952,525		9.952,525	9.947,276		5,249	
5	Kho tổng hợp Bộ đội Biên phòng tỉnh	Bộ Chỉ huy bộ đội Biên phòng tỉnh	2022-2023	14.995	218/QĐ-STC ngày 31/10/2023 của Sở Tài chính	14.952,598		14.952,598	12.650,000		1.802,598	